

SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 62 /TB-KSBT

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 7 năm 2024

V/v mời các cơ sở cung cấp dịch vụ
xét nghiệm đánh giá chất lượng nước
thô, nước thành phẩm

THÔNG BÁO CHÀO GIÁ

**Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ xét nghiệm đánh giá chất lượng nước
thô, nước thành phẩm.**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Thử nghiệm nước phục vụ công tác xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sóc Trăng.
- Thông tin liên hệ chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Tổ chức – Hành chính, Điện thoại: 02993.610042; Địa chỉ email: ptchccdcst@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: 376 Lê Duẩn, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 19 tháng 7 năm 2024 đến trước 08h ngày 29 tháng 7 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 29 tháng 7 năm 2024.
- Ngoài bì thư của thông báo chào giá ghi thêm thông tin “Thông báo chào giá cung cấp dịch vụ xét nghiệm đánh giá chất lượng nước thô, nước thành phẩm.”

II. Nội dung yêu cầu báo giá

Nhằm lựa chọn được đơn vị cung cấp dịch vụ xét nghiệm đánh giá chất lượng nước thô, nước thành phẩm. Nay, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sóc Trăng xin mời các đơn vị cung cấp dịch vụ xét nghiệm đánh giá chất lượng nước thô, nước thành phẩm cung cấp báo giá cho đơn vị cụ thể như sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ ^(*)	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện lấy mẫu	Dự kiến ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Tiến hành lấy mẫu, vận chuyển mẫu về đơn vị xét nghiệm và xét nghiệm, ban hành kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu đánh giá chất lượng nước thô, nước thành phẩm, gửi cho đơn vị yêu cầu báo giá	Số lượng mẫu lấy và tiêu chuẩn đánh giá thực hiện theo phụ lục 1 đính kèm	106	Mẫu	Theo địa chỉ trong Phụ lục 2 đính kèm	Tháng 8/2024

*** Lưu ý:** Báo giá phải được mời chào bằng đồng Việt Nam, bao gồm thuế VAT và tất cả các loại thuế, phí và chi phí khác.

Rất mong nhận được sự hợp tác của các đơn vị cung cấp dịch vụ xét nghiệm đánh giá chất lượng nước thô, nước thành phẩm.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng TVCM;
- P.TCHC;
- Lưu: VT, SKMT-YTTH-BNN.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



BSCKII. Võ Quang Hà

PHỤ LỤC 1: ĐÍNH KÈM THÔNG BÁO CHÀO GIÁ

cung cấp dịch vụ xét nghiệm đánh giá chất lượng nước thô, nước thành phẩm.

Tổng số đơn vị cấp nước được lựa chọn để khảo sát và lấy mẫu: 53 đơn vị, trong đó:

- Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng: 12 trạm.
- Công ty Cổ phần nước Sóc Trăng: 01 trạm.
- Trạm cấp nước thuộc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn: 40 trạm.

- Số lượng mẫu nước xét nghiệm: 106 mẫu nước; bao gồm:

- Mẫu nước nguồn khai thác (Nước thô): 01 mẫu nước nguồn/trạm x 53 trạm = 53 mẫu
- Mẫu nước thành phẩm: 01 mẫu nước thành phẩm/trạm x 53 trạm = 53 mẫu

- Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng mẫu nước:

- + QCVN 08:2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột A2 (**01 mẫu**)
- + QCVN 09:2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất (**52 mẫu**).
- + QCVN 01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, 91 chỉ tiêu nhóm B (**53 mẫu**).

PHỤ LỤC 2: ĐÍNH KÈM THÔNG BÁO CHÀO GIÁ
 cung cấp dịch vụ xét nghiệm đánh giá chất lượng nước thô, nước thành phẩm.

DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM LẤY MẪU

1. Danh sách cơ sở cung cấp nước do Công ty Cổ phần cấp nước Sóc Trăng, Công ty Cổ phần nước Sóc Trăng quản lý:

TT	Tên đơn vị cấp nước	Địa điểm lấy mẫu	Tên giếng	Độ sâu giếng (m)	Nguồn nước thô	
					Nước dưới đất	Nước mặt
1.	Xí nghiệp Nguyễn Chí Thanh	16 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, TP, Sóc Trăng	16	472	x	
2.	Xí nghiệp Phú Lợi	180 Phú Lợi, Phường 2, TP, Sóc Trăng	G17	480	x	
3.	Công ty cổ phần nước Sóc Trăng (khu công nghiệp An Nghiệp)	Lô ĐMTK+P2 KCN An nghiệp				x
4.	Nhà Máy nước khu công nghiệp An Nghiệp (trực thuộc Cty CP Cấp nước ST)	Lô ĐMTK+P2 KCN An nghiệp	S3	467	x	
5.	Xí nghiệp Mỹ Xuyên 1	Thị trấn Mỹ Xuyên	G2	448	x	
6.	Xí nghiệp thị trấn Trần Đề	Thị trấn Trần Đề	TB3	145	x	
7.	Xí nghiệp Vĩnh Châu	TX. Vĩnh Châu	VC6	124	x	
8.	Xí nghiệp Thạnh Trị	Ấp 3 Thị trấn Phú Lộc	PL2	130	x	
9.	Xí nghiệp Ngã Năm	Phường 1, TX. Ngã Năm	NN3	195	x	

TT	Tên đơn vị cấp nước	Vị trí	Tên giếng	Độ sâu giếng (m)	Nguồn nước thô	
					Nước dưới đất	Nước mặt
10.	Xí nghiệp Long Phú	Ấp 3, Thị trấn Long Phú	LP3	125	x	
11.	Xí nghiệp Mỹ Tú	Ấp Cầu đôn, Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	MT3	127	x	
12.	Xí nghiệp Kế Sách	Thị trấn Kế Sách	KS6	161	x	
.	Tổng cộng				12	01

2. Danh sách cơ sở cung cấp nước do Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý: (Nước dưới đất)

TT	Tên đơn vị cấp nước	Địa điểm lấy mẫu	Tên giếng	Độ sâu giếng	Số hộ được cấp nước
I	Ngã Năm (Trạm cấp nước tại các xã)				
1.	Long Bình	Ấp Tân Bình	TLB	110	1.389
2.	Mỹ Quới	Ấp Mỹ Thành	MQ2	120	1.461
3.	Vĩnh Quới	Ấp Vĩnh Thanh	VQ1	130	1.446
4.	Tân Long	Ấp Long Thạnh	TL	148	1.105
II	Thạnh Trị (Trạm cấp nước tại các xã)				
5.	Thạnh Tân	Ấp B1	B1	148	1.363
6.	Lâm Kiệt	Ấp Kiệt Lợi	LK	148	803
7.	Tuân Tức	Ấp Trung Hoà	TT	148	596
8.	Vĩnh Lợi	Ấp 15	VL	114	561
III	Trần Đề (Trạm cấp nước tại các xã)				
9.	Viên Bình	Ấp Đào Viên	VB3	447	1.247
10.	Đại Ân II	Ấp chợ	ĐA II	148	1.345
11.	Thạnh Thới Thuận	Ấp Thạnh Ninh	GTTT	213	1.516

12.	Liêu Tú	Ấp Đại Nôn	TĐN	140	1.164
IV	Châu Thành (Trạm cấp nước tại các xã)				
13.	Thuận Hòa A	Ấp Trà Quýt A	S116	165	1.310
14.	An Ninh	Ấp Châu Thành	CT	111	1.046
15.	Phú Tâm	Ấp Phú Hữu	PT2	476	3,617
16.	Thiện Mỹ	Ấp An Tập	TTM	135	1,138
V	Mỹ Tú (Trạm cấp nước tại các xã)				
17.	Hưng Phú	Ấp Phương Bình 2	HP	441	3,049
18.	Mỹ Phước	Ấp An B	TMP	85	2,388
19.	Mỹ Thuận	Ấp Tam Sóc A	TSA	148	1,602
20.	Mỹ Hương 2	Ấp Xóm Lớn	GMH	130	2,222
VI	Long Phú (Trạm cấp nước tại các xã)				
21.	Tân Thạnh	Ấp Cái Quanh	TT	457	1,573
22.	Long Phú	Ấp Tân Lập, xã Long Phú	GLP	375	1,705
23.	TrườngKhánh 2	Ấp Trường Thành A	GTT	202	1,374
24.	Trạm Song Phụng	Ấp Phụng Tường	SP	140	2,000
VII	Vĩnh Châu (Trạm cấp nước tại các xã)				
25.	Vĩnh Hiệp	Ấp Ngã Tư	GVH	120	1,944
26.	Vĩnh Tân (giếng 1)	Ấp Tham Chu	GVT1	92	1,023
27.	Vĩnh Hải 1	Ấp Trà Sét	VH1	130	1,990
28.	Khánh Hòa	Khóm Bưng Tum	KH	132	1,614
VIII	Kế Sách (Trạm cấp nước tại các xã)				
29.	An Mỹ	Ấp Phú Tây	PT	140	1,548
30.	Anh Lạc Tây	Ấp An Hoà	ALT1	130	1, 405
31.	Ba Trinh	Ấp 6	BT1	138	1,989
32.	Đại Hải	Ấp Đông Hải	ĐH1	468	1,987

IX	Mỹ Xuyên (Trạm cấp nước tại các xã)				
33.	Đại Tâm 2	Ấp Nghĩa Thắng	NT	111	1,499
34.	Hòa Tú 2	Ấp Dương Kiên	THT2	148	1,279
35.	Tham Đôn (giếng 1)	Ấp Tắc Gồng	TNT	145	2,645
36.	Thanh Phú (giếng 1)	Khu 2	K2	140	1,431
X	Cù Lao Dung (Trạm cấp nước tại các xã)				
37.	An Thạnh 3	Ấp An Nghiệp	AT	148	1,293
38.	An Thạnh	Ấp Chợ, Thị trấn Cù Lao Dung	TAT2	148	840
39.	Cù Lao Dung	Ấp Phước Hoà B, Thị Trấn Cù Lao Dung	PHB	155	728
40.	An Thạnh 2	Ấp Phạm Thành Hơn	AT2	438	740